TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu

Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 154/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Ngọc D, sinh năm 1988. (có mặt).

Địa chỉ: Số 11, Tổ 01, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1988. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị Trần Ngọc D trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đ kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/2013, quyển số I/2013 ngày 26/02/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 05/2013 chị D mang thai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con nhưng chị D vẫn cố nhịn, tiếp tục chung sống vì con. Đến đầu năm 2014, anh Đ không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng nhiều nên chị D và con về

nhà mẹ ruột sinh sống. Sau đó anh Đ vẫn không thay đổi, thường qua nhà mẹ chị D khi say rồi kiếm chuyện cự cãi. Đến năm 2019, anh Đ gây áp lực, hâm dọa giết chị D nên chị D làm đơn xin ly hôn nhưng chưa nộp vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con. Đến năm 2022, chị D nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh nhưng anh Đ năn nỉ để hàn gắn tình cảm nên chị D rút đơn, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống xa nhau từ năm 2014 và đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được, nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Con chung: Chị D và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 30/11/2013. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn Nguyễn Hữu Đ: Không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Anh Đ đang sinh sống tại thành phố C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời không có mặt tại các phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân của chị D và anh Đ được xác lập vào năm 2013, do chị D tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị D cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Anh Đ không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng

xét xử xét thấy, Tòa án thông báo cho anh Đ, yêu cầu anh Đ trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến.

Xét thấy, chị D và anh Đ có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, chị D được ly hôn với anh Đ, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung:* Chị D và anh Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 30/11/2013. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án thông báo cho anh Đ, yêu cầu anh Đ trình bày về con chung nhưng anh Đ vẫn không có ý kiến. Con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp có nguyện vọng được sống chung với chị D và đã từng sống chung, gần gũi với chị D, ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D. Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 30/11/2013 cho chị D trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Đ không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] *Xét tài sản chung và nợ chung:* Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; Anh Đ cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí:* Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ngọc D, chị Trần Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Ngọc D. Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp, sinh ngày 30/11/2013 cho chị D trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống chung với chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Trần Ngọc D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012314 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, chị Trần Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Hữu Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Chị Trần Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đ.
(Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 26/02/2013);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên